

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT

ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG
BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI
CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9 31 01 02

HÀ NỘI – 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. ĐOÀN XUÂN THỦY

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Xuân Dũng

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Xuân Hưng

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Nga

Học viện Tài chính

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp

Học viện tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi 15 giờ ngày 10 tháng 05 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia**
- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đảm bảo sinh kế bền vững luôn là vấn đề được quan tâm trong các cuộc thảo luận về phát triển bền vững, giảm nghèo. Ở Việt Nam, đảm bảo sinh kế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số luôn được Đảng và nhà nước quan tâm được thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng: “Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững” [20] và các chương trình, mục tiêu quốc gia. Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 cũng nêu rõ: “Xem đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ quan trọng để phát triển bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước ...” [7].

Tây Nam Bộ, miền đất cực nam của Tổ quốc với 17,3 triệu dân, trong đó hơn 8% dân số là người dân tộc thiểu số chủ yếu là dân tộc Khmer đang sinh sống tập trung chủ yếu ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang và Kiên Giang... đang ngày càng vươn lên để bắt kịp tốc độ phát triển chung của cả nước. Để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer, trung ương và chính quyền các tỉnh đã triển khai nhiều chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đồng bào phát triển kinh tế với tổng kinh phí lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2021 - 2025, các địa phương Tây Nam Bộ đã được bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I. Cụ thể: Sóc Trăng dự kiến đầu tư gần 800 tỷ đồng xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết kế xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Khmer; Trà Vinh sẽ triển khai 10 dự án với tổng kinh phí hơn 1.400 tỷ đồng nhằm nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh; An Giang bố trí gần 183,5 tỷ đồng ...[136]. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng giảm từ 14,2% cuối năm 2001 xuống còn 7,3% (theo chuẩn nghèo 2006 -2010), tiếp tục giảm xuống còn 3,54% vào cuối năm 2015, đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 2,66% [80]. Người dân Khmer Tây Nam Bộ ngày càng tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cùng với người dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam phấn khởi thực hiện mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa đã được lựa chọn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt trước những áp lực ngày càng tăng của biến đổi khí hậu đang đe dọa nghiêm trọng sinh kế của hàng trăm triệu người trên toàn thế giới thì mục tiêu xóa đói giảm nghèo, đảm bảo sinh kế bền vững cho hộ nghèo, hộ Khmer trở thành một trong những thách thức lớn đối với chính quyền các tỉnh Tây Nam Bộ. Những kết quả đạt trong đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ

Khmer vẫn chưa được như mong muốn, còn không ít hạn chế, bất cập. Tốc độ giảm nghèo còn chậm so với tốc độ giảm nghèo chung của cả nước và của các vùng lân cận; tỷ lệ thất nghiệp của lao động Khmer còn cao; tăng trưởng thu nhập còn rất thấp so với mức tăng trưởng thu nhập chung của khu vực và cả nước, nhất là so với các hộ khá giả; Hoạt động sinh kế một số hộ không bền vững và đã xuất hiện tình trạng tái nghèo. Hiện tại, sinh kế của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ còn rất khó khăn về nguồn vốn vật chất, vốn tài chính cho thực hiện các mục tiêu sinh kế của mình, vốn xã hội, vốn con người, đặc biệt là nguồn lực tự nhiên vốn được xem là nguồn sinh kế quan trọng nhất của người dân Tây Nam Bộ nói chung và đồng bào Khmer nói riêng đang dần bị suy thoái do tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động sản xuất và tập quán canh tác thiếu bền vững của người dân nơi đây.

Vấn đề đặt ra hiện nay là phải làm thế nào huy động, sử dụng, phát triển các nguồn lực vào việc đảm bảo cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở vừa tôn trọng các quy luật thị trường vừa đề cao vai trò của nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Song, vẫn chưa có công trình khoa học nghiên cứu mang tính hệ thống làm cơ sở lý luận để nhìn nhận và giải quyết vấn đề đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ Khmer được tiếp cận từ góc độ kinh tế chính trị học. Việc thực hiện vai trò của nhà nước, chính quyền các cấp nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ Khmer ở khu vực còn nhiều bất cập. Thực trạng này nếu không được kịp thời giải quyết thì nó sẽ trở thành vấn đề lớn liên quan không chỉ thu nhập và đời sống của bản thân đồng bào Khmer mà còn trở thành rào cản lớn đến sự ổn định kinh tế-xã hội và hướng phát triển bền vững theo mục tiêu XHCN của Việt Nam. Để giải quyết vấn đề cấp bách này, cần phải tập trung nghiên cứu cơ bản, có hệ thống và thiết thực dựa trên cơ sở khoa học.

Để góp phần vào lời giải vấn đề này, tác giả lựa chọn đề tài ***“Đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu”*** để nghiên cứu làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị học.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer; thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu từ 2017 – 2022; đề xuất phương hướng, giải pháp tiếp tục đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, luận án có nhiệm vụ:

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố liên quan đến đề tài luận án, xác định những vấn đề đã được giải quyết có thể kế thừa và phát triển, những khoảng trống cần tiếp tục luận giải, nghiên cứu.

Hai là, làm rõ được những vấn đề lý luận chung về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Ba là, nghiên cứu kinh nghiệm về đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, một số quốc gia Châu Phi và một số vùng ở trong nước có điều kiện tương đồng, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

ôn- Phân tích và đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu giai đoạn 2017 đến 2022. Nêu bật thành tựu và hạn chế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu, làm rõ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó, rút ra vấn đề đặt ra cho Tây Nam Bộ

Năm- Đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung:

Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề cấp thiết mà các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương và bản thân đồng bào Khmer cần thực hiện để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Cụ thể, luận án tập trung vào ba nội dung chính: *i*, Xây dựng và thực thi hệ thống thể chế kinh tế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer. *ii*, Đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu. *iii*, Đảm bảo các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Phạm vi không gian:

Luận án nghiên cứu đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer thuộc vùng Tây Nam Bộ của Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu, trong đó tập trung chủ yếu vào các tỉnh có nhiều đồng bào Khmer cư trú gồm Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang,

Phạm vi thời gian:

Phân tích, đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu giai đoạn 2017 -2022 và đề xuất giải pháp đến 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

- Cơ sở lý luận:

Luận án thực hiện trên cơ sở vận dụng lý luận, phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về sinh kế, sinh kế bền vững, đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số, biến đổi khí hậu.

- Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

Luận án tiếp cận vấn đề nghiên cứu từ các phương pháp:

Tiếp cận lý thuyết: Nhận thức và giải quyết vấn đề đảm bảo sinh kế bền vững của người nghèo, hộ nghèo, những người yếu thế trong xã hội tức là của những người còn nhiều khó khăn về việc làm, thu nhập và đời sống không chỉ là một nội dung trong chính sách an sinh xã hội của các nước trên thế giới mà còn là vấn đề quan trọng của Việt Nam. Xét về kinh tế, luận án tiếp cận theo hướng xem đây là một bộ phận cơ bản kể cả nguồn nhân lực, vật lực và tài lực trong điều kiện khan hiếm cần được khai thác và sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí không chỉ vì lợi ích của đồng bào Khmer mà còn vì lợi ích cho phát triển bền vững của vùng Tây Nam Bộ và của cả nước.

Tiếp cận thực tiễn: Tác giả sử dụng các phương pháp tiếp cận thực tiễn bao gồm thu thập và xử lý các nguồn tài liệu chính thức, nhất là những tài liệu của các cơ quan quản lý có liên quan trực tiếp đến đảm bảo sinh kế bền vững của người nghèo, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số để xem xét đối tượng nghiên cứu là đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp trong phạm vi thời gian nghiên cứu của luận án.

Tiếp cận mục tiêu: Đảm bảo SKBV cho đồng bào thiểu số nói chung và đồng bào Khmer Tây Nam Bộ nói riêng là chủ trương lớn đã được xác định trong nhiều văn kiện, đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Mục tiêu tiếp cận trong đề tài nghiên cứu luận án là đóng góp của thể chế và các nguồn lực vật chất, tài chính, nhân lực, tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ, đảm bảo duy trì liên tục, lâu dài việc làm và thu nhập của đối tượng này để họ vươn lên làm giàu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa góp phần xứng đáng vào quá trình phát triển chung của vùng và cả nước.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp phổ biến trong nghiên cứu kinh tế chính trị, gồm phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp, logic kết hợp với lịch sử, phương pháp thống kê, so sánh để làm rõ thực chất, mục tiêu, nội dung và quá trình biến đổi của đối tượng nghiên cứu.

Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn kinh tế gồm thu thập tài liệu từ các nguồn, báo cáo chính thức về đối tượng nghiên cứu, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp mô hình, điều tra xã hội, lập bảng số liệu, đồ thị trong phân tích, đánh giá thực tiễn quá trình vận động của đối tượng trong nghiên cứu thực trạng và sử dụng phương pháp dự báo để xác định triển vọng, phương hướng và giải pháp thời gian tới.

5. Ý nghĩa khoa học của luận án

Kết quả công trình nghiên cứu trong đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo bổ ích cho công tác hoạch định và thực thi chính sách về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ và là tài liệu tham khảo bổ ích cho những ai quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề này.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1. Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận

Thứ nhất, Cung cấp cách tiếp cận mới về nghiên cứu sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu. *Thứ hai*, luận giải có khoa học về các khái niệm; nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu. *Thứ ba*, luận án đã thiết lập được khung phân tích sinh kế về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ từ góc nhìn của khoa học kinh tế chính trị.

6.2. Những điểm mới rút ra từ các kết quả nghiên cứu, khảo sát

Luận án nghiên cứu thực trạng phát về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu từ năm 2017-2022, đánh giá những thành tựu, những hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu hạn chế đó. Trên cơ sở đó đưa ra dự báo về biến đổi khí hậu, đề xuất phương hướng và 5 giải pháp có tính khả thi: (1) Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân Khmer về vấn đề sinh kế gắn với biến đổi khí hậu; (2) Hoàn thiện quy hoạch, thể chế chính sách của Đảng và Nhà nước phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ; (3) Cải thiện các nguồn lực, phát huy yếu tố nội lực

đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu; (4) Nâng cao năng lực của hệ thống chính quyền trong phát hiện, ứng phó với biến đổi khí hậu; (5) Chuyển đổi sinh kế, khắc phục, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu đối với đồng bào Khmer

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo nội dung của luận án gồm 4 chương

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ Ở NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến vấn đề đảm bảo sinh kế của người nghèo, hộ nghèo, dân tộc thiểu số

1.1.2. Nghiên cứu sinh kế bền vững gắn với biến đổi khí hậu

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ Ở TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.2.1. Nghiên cứu liên quan đến đảm bảo sinh kế bền vững của người nghèo, người dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Nghiên cứu của *Nguyễn Xuân Hòa (2018), Sinh kế của người Sán Dìu Vườn quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc*. Luận án tiến sỹ Nhân học, Viện hàn lâm Khoa học Xã Hội Việt Nam; *Lại Tiến Dĩnh. (2020), Tạo sinh kế giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ*. Tạp chí kinh tế và dự báo. Số 34.- Tr. 86 – 88; *Phạm Mỹ Duyên (2020), Sinh kế giảm nghèo bền vững vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*. LATS Kinh tế, Trường đại học Kinh tế- Luật, ĐHQGHCM; *Lê Mạnh Hùng (2022), Sinh kế của người Khơ Mú tại khu tái định cư ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An*. Luận án tiến sỹ, viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt nam...

1.2.2. Nghiên cứu liên quan đến sinh kế bền vững gắn với biến đổi khí hậu ở Việt Nam

CARE (2013), Nghiên cứu kỹ thuật loại hình sinh kế thích ứng Biến đổi khí hậu dành cho người nghèo ít đất và không đất. 09/2013; *Nguyễn Bá Ngọc và cộng sự (2015), Các giải pháp hỗ trợ sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu*; *Hà Huy Ngọc và cộng sự (2020), Kiến tạo chính sách nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí cộng sản 2020; *Nguyễn Bình Đức, Lê Văn Phục (2021), Nâng cao hiệu quả hoạt động sinh kế trong khai thác thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng ngư dân vùng Duyên hải Nam Trung Bộ*. Tạp chí Sinh hoạt lý luận, Số 178; *Võ Hữu Phước (2021), Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu*, Tạp chí kinh tế và dự báo, số 35, 12/2021; *Nguyễn Thị Hà (2022), Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí cộng sản; *Ngô Thị Hiếu (2022), Tác động của biến đổi khí hậu đến nguồn vốn sinh kế của hộ dân ven biển tỉnh Kiên Giang*, Tạp chí công thương, số 14, tháng 6/2022. ..

1.2.3. Nghiên cứu về sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

Nguyễn Ngọc Diễm, Đỗ Thị Thơm (2020), *Tổng quan tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đến đời sống kinh tế của người Khmer ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay*. Tạp chí Khoa học xã hội. số 7 (263) 2020; Nguyễn Thị Huệ (2020), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt nam hiện nay. Đề tài Khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Mã số CTDT/16-20*; Ngô Thị Trinh (2020), *Chuyển đổi sinh kế của người Khmer ở Tây Nam Bộ trước tác động của biến đổi khí hậu hiện nay*. Học viện dân tộc; Phan Thuận (2021), *Hoạt động sinh kế thích ứng với tình trạng hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí lý luận chính trị; Ngô Sô Phe (2021), *Nghiên cứu các nhân tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực nữ dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh*. Tạp chí Công Thương; Đỗ Thị Ngân (2021), *Sinh kế của người nghèo và người Khmer tỉnh Trà Vinh trong bối cảnh biến đổi khí hậu*. Tạp chí công thương. Số 25-Tháng 11/2021...

1.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN LUẬN ÁN

1.3.1. Kết quả của các công trình đã công bố liên quan đến luận án

Thứ nhất, về lý luận các công trình nghiên cứu công bố trên đã hệ thống hóa lý luận về vấn đề sinh kế và đảm bảo sinh kế bền vững cho các đối tượng nghiên cứu và nêu bật được tầm quan trọng của SKBV. Đây là những gợi ý để NCS xây dựng lý luận về lựa chọn giải pháp đảm bảo SKBV của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Thứ hai, về nội dung có liên quan đến đảm bảo SKBV của các hộ DTTS gắn với biến đổi khí hậu, đã có một số công trình hướng vào xây dựng khuôn khổ lý thuyết và các quy trình cốt lõi để giải quyết vấn đề SKBV trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hầu hết các nhà khoa học đều cho rằng BĐKH đang tác động tiêu cực đến sinh kế bền vững.

Thứ ba, về thực tiễn trong số các công trình nghiên cứu nêu ở trên, một số tác giả đi vào nghiên cứu thực nghiệm, kinh nghiệm giải quyết vấn đề SKBV của các hộ DTTS ở một số nước, khu vực, vùng và ở một số tỉnh. Những kinh nghiệm thường hướng vào hỗ trợ nguồn lực sinh kế, vai trò của chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ trong vấn đề đảm bảo sinh kế bền vững của các đối tượng nghiên cứu trong đó có DTTS.

Từ các công trình nghiên cứu trên thực tế cho thấy không có các mô hình sinh kế lý tưởng, mà các mô hình thường thay đổi để thích ứng với bối cảnh phát triển kinh tế không ngừng. Do đó, việc đảm bảo sinh kế cho đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu có ý nghĩa quan trọng và cần thiết

1.3.2. Khoảng trống nghiên cứu khoa học cần tập trung nghiên cứu trong luận án

Dưới góc độ nghiên cứu của chuyên ngành Kinh tế chính trị, những vấn đề nghiên cứu sinh cần tiếp tục luận giải bao gồm cả về lý luận và thực tiễn, cụ thể:

+ *Nghiên cứu về lý luận:*

Một là, luận giải những vấn đề lý luận chung về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu như: Khái niệm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Hai là, kết hợp vận dụng khung phân tích sinh kế DFID, IFAD và các chính sách, chủ trương của Đảng, nhà nước về phát triển vùng dân tộc thiểu số để phân tích khung lý thuyết đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

+ *Nghiên cứu về thực tiễn:*

Một là, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia và địa phương trong nước về đảm bảo sinh kế bền vững của dân tộc thiểu số nói chung, đồng bào Khmer nói riêng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và rút ra bài học cho đồng bào Khmer Tây Nam Bộ.

Hai là, phân tích và đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu giai đoạn 2017 - 2022; luận án làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những kết quả, hạn chế từ thực trạng.

Ba là, trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế từ thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu thời gian qua; luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến năm 2030.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1.1. Khái niệm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Khái niệm sinh kế: Sinh kế là kế sinh nhai, thường bàn đến với đối tượng là những nhóm dân cư dễ bị tổn thương, thu nhập thấp, đời sống bấp bênh.... Sinh kế là những hoạt động cần thiết mà cá nhân hay hộ gia đình phải thực hiện dựa trên các khả năng và nguồn lực sinh kế để kiếm sống.

Sinh kế bền vững: Có nhiều khái niệm về SKBV, trong khuôn khổ luận án, Tác giả đồng tình với khái niệm sinh kế bền vững của DFID (1999) khi cho rằng: Sinh kế bền vững khi nó có thể đối phó và phục hồi sau những căng thẳng, những cú sốc và duy trì hoặc nâng cao khả năng tạo tài sản cả bây giờ và trong tương lai, trong khi không làm suy yếu cơ sở tài nguyên thiên nhiên

Biến đổi khí hậu: Bộ Tài nguyên và Môi trường định nghĩa: Biến đổi khí hậu là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình và/hoặc sự dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ hoặc dài hơn. Các biểu hiện của BĐKH là nhiệt độ trung bình hàng năm tăng; sự biến đổi và độ khác thường của thời tiết và khí hậu tang; nước biển dâng do băng tan từ các cực trái đất và các đỉnh núi cao; các hiện tượng cực đoan của thời tiết và thiên tai xảy ra với tần suất cao hơn, cường độ và độ khác thường lớn hơn

Sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu: Thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị thương tổn do dao động hoặc biến đổi khí hậu hiện hữu hoặc tiềm tàng gây ra và tận dụng tốt cơ hội mà nó mang lại. Thích ứng với khí hậu hiện tại không đồng nghĩa với thích nghi biến đổi khí hậu trong tương lai.

Dân tộc thiểu số: Khái niệm “dân tộc thiểu số” được chỉ rõ tại khoản 2 điều 4, Nghị định số 05/NĐ-CP về công tác dân tộc của Chính phủ ban hành ngày 14/01/2011 quy định: "Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia. Ở Việt Nam dân tộc Kinh chiếm đa số 86,2% trong 54 dân tộc, 53 dân tộc thuộc nhóm thiểu số chỉ chiếm 13,8% trong tổng dân số (Quỹ dân số Liên hợp quốc, 2011).

Từ những căn cứ nêu trên, tác giả cho rằng, *đảm bảo SKBV cho đồng bào Khmer trong*

bối cảnh biến đổi khí hậu là quá trình các chủ thể nhà nước, doanh nghiệp và các hộ Khmer thực hiện hệ thống các biện pháp để các hộ có được nguồn lực sinh kế, thực hiện các hoạt động sinh kế thuận lợi, phát huy được bản sắc và giá trị văn hoá tiến bộ, trên cơ sở đó vừa tạo ra cơ sở vật chất, tinh thần để duy trì ổn định cuộc sống hiện tại vừa tạo ra tiền đề để các hộ Khmer có khả năng thích ứng được với các tác động không mong muốn của biến đổi khí hậu trong tương lai (nếu có) xảy ra. Điều này có nghĩa đối tượng cần được đảm bảo SKBV là các hộ dân tộc Khmer; chủ thể thực hiện đảm bảo SKBV là nhà nước; các tổ chức kinh tế, xã hội; cả hệ thống chính trị và người dân kể cả bản thân các hộ khmer, trong đó vai trò chủ thể chủ yếu là nhà nước, trực tiếp là Chính phủ

2.1.2. Yếu tố văn hóa; tập quán cách tác của đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ

2.1.2.1. Yếu tố văn hóa của đồng bào Khmer

2.1.2.2. Tập quán cách tác của đồng bào Khmer

2.1.3. Tác động biến đổi khí hậu đến sinh kế của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

2.1.3.1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Tây Nam Bộ

2.1.3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sinh kế đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ

2.1.4. Một số khung phân tích sinh kế

2.1.4.1. Khung sinh kế bền vững của DFID

2.1.4.2. Khung sinh kế của IFAD

2.1.4.3. Khung phân tích sinh kế của luận án

2.1.5. Vai trò đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

2.1.5.1. Góp phần đảm bảo các nguồn lực cho đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

2.1.5.2. Đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer tạo điều kiện cho họ vươn lên làm giàu, tự chủ trong hoạt động kinh tế góp phần giải quyết việc làm, giảm thiểu rủi ro, tăng khả năng tiếp cận y tế, giáo dục, đào tạo nghề... và giảm thiểu sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội.

2.1.5.3. Đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ, thúc đẩy phát triển đất nước

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.2.1. Nội dung đảm bảo sinh kế bền vững của đồng Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

2.2.1.1. Xây dựng và thực thi hệ thống thể chế kinh tế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer

Nội dung xây dựng và thực thi hệ thống thể chế kinh tế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer là phải thực hiện thể chế hóa chính sách của Đảng và nhà nước để đảm bảo các chính sách khuyến khích phát triển dân tộc thiểu số được thực hiện một cách liên tục và có hiệu quả. Đảm bảo phát huy tối đa những mặt tích cực mà thể chế, chính sách mang lại cho đồng bào dân tộc,

2.2.1.2. Đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Nội dung đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu là đảm bảo các nguồn lực cần thiết để đảm bảo SKBV của các hộ Khmer được hỗ trợ, khai thác, sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả

2.2.1.3. Đảm bảo các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Nội dung đảm bảo các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu là hỗ trợ sản xuất, tìm kiếm các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện, nguồn lực của đồng bào; hỗ trợ phát triển thị trường kể cả thị trường yếu tố sản xuất (đầu vào) và thị trường sản phẩm (đầu ra) để các hộ có thể duy trì sản xuất và tái sản xuất được liên tục

2.2.2. Tiêu chí đánh giá đảm bảo sinh kế bền vững của dân tộc thiểu số nói chung, đồng bào Khmer

Trên cơ sở nghiên cứu các bộ tiêu chí đánh giá về sinh kế bền vững của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, luận án đưa ra các tiêu chí đánh giá mức độ đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Khmer Tây Nam Bộ nói riêng

2.2.2.1. Tiêu chí đánh giá về mức độ tác động của thể chế kinh tế đến đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu

2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá về hiệu quả đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu

2.2.2.3. Tiêu chí đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đảm bảo sinh kế bền vững của DTTS nói chung và đồng bào Khmer nói riêng trong bối cảnh biến đổi khí hậu

2.2.3.1. Nhóm yếu tố khách quan

Một là, sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương

Hai là, mức độ phát triển của thị trường

Ba là, thiên tai và biến động thời tiết, dịch bệnh cây trồng vật nuôi

2.2.3.2. Nhóm yếu tố chủ quan

Một là, các thể chế kinh tế (chính thức và không chính thức)

Hai là, trình độ văn hóa, tập quán sinh sống của đồng bào Khmer

2.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VỀ ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CHO ĐỒNG KHMER TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.3.1. Kinh nghiệm của Tây Nguyên

2.3.2. Kinh nghiệm của vùng núi Tây Bắc

2.3.3. Bài học rút ra về đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Thứ nhất, chính phủ; chính quyền các tỉnh, thành phố ở Tây Nam Bộ cần thấy được tầm quan trọng lớn đối với tác động của biến đổi khí hậu đối với phát triển và đảm bảo sinh kế bền vững của DTTS nói chung và đồng bào Khmer nói riêng.

Thứ hai, cần phải có sự giúp đỡ của Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong tiếp cận các nguồn lực nhằm phát triển theo hướng bền vững.

Thứ ba, mỗi dân tộc được phân biệt với nhau chủ yếu là bản sắc văn hóa của tộc người, vì vậy cần nhấn mạnh quan điểm "tôn trọng văn hóa dân tộc" và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo trong đảm bảo sinh kế bền vững.

Thứ tư, tập trung vào tích hợp và phối hợp phát triển các loại vốn khác nhau, nhất là nguồn lực con người.

Chương 3

THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.1. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI TÁC ĐỘNG TỚI ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.1.1. Những thuận lợi tác động tới đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

3.1.2. Những khó khăn tác động tới đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ .

3.1.3. Biến đổi khí hậu tác động đến sinh kế của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

3.1.3.1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Tây Nam Bộ

3.1.3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sinh kế đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ

3.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.2.1. Thực trạng xây dựng và thực thi hệ thống thể chế kinh tế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ

3.2.1.1. Xây dựng hệ thống thể chế kinh tế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer

Thứ nhất, những chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc tạo điều kiện thuận lợi đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc Khmer khu vực Tây Nam Bộ:

Thứ hai, các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc Khmer khu vực Tây Nam Bộ

Thứ ba, hoàn thiện bộ máy quản lý góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững cho đồng bào Khmer khu vực Tây Nam Bộ:

3.2.1.2. Thực thi hệ thống thể chế đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer

Trên cơ sở các chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước, việc thực thi các chính sách này tại các địa phương có đông đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong những năm qua đã được chính quyền các địa phương triển khai một cách toàn diện gắn với các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2.2. Đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

3.2.2.1. Đảm bảo về nguồn lực con người cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Thứ nhất, về thực hiện các chính sách giáo dục và đào tạo để nâng cao trình độ học vấn, trình độ tay nghề cho lực lượng lao động góp phần đảm bảo sinh kế bền vững

Thứ hai, về thực hiện các chính sách y tế để nâng cao sức khỏe cho cộng đồng và cho lực lượng lao động, góp phần đảm bảo sinh kế bền vững

3.2.2.2. Đảm bảo nguồn lực tự nhiên cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Một là, điều kiện tự nhiên về đất đai tạo tiền đề cho đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

2,15,16 Hai là, điều kiện tự nhiên về nguồn nước cho sản xuất và phục vụ đời sống của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ:

3.2.2.3. Đảm bảo nguồn lực xã hội cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Thứ nhất, về phong tục, tập quán văn hoá truyền thống của người Khmer Tây Nam Bộ ảnh hưởng tới sinh kế bền vững

Thứ hai, mô hình sản xuất và tập quán sản xuất nhỏ theo mô hình tự cấp, tự túc; các mối quan hệ xã hội chủ yếu giới hạn trong cộng đồng dân tộc Khmer gây ảnh hưởng tới sinh kế bền vững của đồng bào Khmer:

Tóm lại, nguồn lực xã hội, nhất là phong tục, tập quán sản xuất, mô hình tổ chức hợp tác sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế bền vững của đồng bào Khmer cả theo hướng tích cực và tiêu cực.

3.2.2.4. Đảm bảo nguồn lực vật chất cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Thứ nhất, về hỗ trợ của chính quyền các tỉnh giúp đồng bào Khmer có đất ở, nhà ở

Thứ hai, về hỗ trợ của chính quyền các tỉnh giúp đồng bào Khmer có máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất (máy cày, máy bừa ...)

Thứ ba, về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội giúp đồng bào Khmer đảm bảo sinh kế bền vững: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có vai trò then chốt đối với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương nói chung và góp phần đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer nói riêng.

Bảng 3.2: Tỷ lệ đường giao thông thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn nghiên cứu

Tỉnh	Đơn vị: %			
	Đường nhựa	Đường bê tông	Đường đá cấp phối	Đường đất chưa kiên cố
An Giang	97,3	2,7	0	0
Kiên Giang	47,3	42,1	1,2	9,4
Sóc Trăng	72,9	26,7	0,8	0,4

Trà Vinh	77,7	12,8	9,6	0
----------	------	------	-----	---

Nguồn: Điều tra về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019

3.2.2.5. Đảm bảo nguồn lực tài chính cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Đảm bảo nguồn lực cho sinh kế bền vững, đồng thời góp phần nâng cao ý thức tự tôn dân tộc để hình thành ý thức cộng đồng của đồng bào Khmer ngoài các nội dung nêu trên còn được đánh giá thông qua khả năng huy động vốn cho sản xuất và hoạt động kinh tế khác của các hộ gia đình người Khmer, nguồn tín dụng mà các hộ gia đình có thể tiếp cận từ các hệ thống ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng thương mại và các khoản hỗ trợ của Chính phủ cho mở rộng sản xuất và đảm bảo điều kiện vật chất cho cuộc sống.

3.2.3. Đảm bảo các mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, phát triển thị trường cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Trong sản xuất, việc lựa chọn một mô hình kinh tế phù hợp có vai trò quan trọng để đảm bảo cho sản xuất ổn định, một mô hình phù hợp còn cho phép kết hợp tối ưu các nguồn lực để phát triển kinh tế, khắc phục được những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu tới quá trình sản xuất. Qua nghiên cứu cho thấy, hiện nay mô hình liên kết sản xuất chủ yếu của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ được thực hiện dưới hình thức tổ, đội sản xuất và tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp và doanh nghiệp chế biến nông sản [Bảng 3.3].

Bảng 3.3. Mô hình hợp tác sản xuất của các địa phương nơi có đồng bào Khmer sinh sống tập trung

Tỉnh	Tổng	Đơn vị: DN, HTX		
		DN, HTX chế biến nông sản	DN, HTX chế biến lâm sản	DN, HTX chế biến thủy sản
An Giang	89	44	24	21
Kiên Giang	1.275	552	373	350
Sóc Trăng	425	289	17	119
Trà Vinh	457	369	80	8

Nguồn: Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019

- Phát triển thị trường để đảm bảo SKBV cho đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Kết quả điều tra thực tế cũng cho thấy có tới 57,5% số người được hỏi có nhận xét về sự hỗ trợ từ mức rất tốt tới tốt của các hợp tác xã về việc đảm bảo cung cấp đầy đủ các yếu tố đầu vào cho sản xuất; kết quả điều tra cũng chỉ ra sự hỗ trợ của các mô hình hợp tác đối với chế biến và tiêu thụ nông sản có vai trò rất quan trọng đối với các hộ sản xuất, chăn nuôi.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.3.1. Những kết quả đạt được về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

Hội đồng yêu cầu đánh giá thực trạng theo 3 tiêu chí sau:

- *Tiêu chí đánh giá về mức độ tác động của thể chế kinh tế đến đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu*
- *Tiêu chí đánh giá về hiệu quả đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu*
- *Tiêu chí đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu*

3.3.1.1. Mức độ tác động của thể chế kinh tế tới đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Mức độ tác động của thể chế kinh tế tới đảm bảo SKBV của đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu là rất lớn, nhờ những chính sách cụ thể, thiết thực và được thực thi đầy đủ, nghiêm túc bởi các cơ quan chức năng tại địa phương đã góp phần tạo lập thể chế kinh tế đồng bộ, hoàn thiện tạo điều kiện cho nhân dân sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập từ đó góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo SKBV cho đồng bào Khmer trong điều kiện mới của biến đổi khí hậu hiện nay.

3.3.1.2. Hiệu quả đảm bảo các nguồn lực cho sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh Biến đổi khí hậu

* *Đối với nguồn lực con người:* việc nâng cao trình độ dân trí, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp là yếu tố quan trọng giúp đồng bào Khmer có thể tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao hiệu quả kinh tế để từ đó đảm bảo SKBV. Kết quả thực tế tại các địa phương trong những năm qua có thể đánh giá khái quát thông qua Phụ lục 1 – bảng dưới đây

Bảng 3.4. Tổng hợp kết quả khảo sát về trình độ tay nghề của đồng bào Khmer

Stt	Tỉnh	Trình độ tay nghề					
		Chưa đào tạo	Dưới 3 tháng	3 tháng	6 tháng	Trung cấp	Cao đẳng, Đại học
1	An Giang	28	6	2	1	3	5
		62,2%	13,3%	4,4%	2,2%	6,7%	11,2%
2	Kiên Giang	31	5	2	3	4	3
		64,5%	10,4%	4,2%	6,3%	8,3%	6,3%
3	Sóc Trăng	80	13	8	7	10	7
		64%	10,4%	6,4%	5,6%	8%	5,6%
4	Trà Vinh	25	7	3	5	4	4
		52,1%	14,6%	6,3%	10,4%	8,3%	8,3%
Tổng số		164	31	15	16	21	19
		61,7%	11,7%	5,6%	6%	7,9%	7,1%

(Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ phiếu khảo sát tại các tỉnh thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài)

* *Đối với nguồn lực tự nhiên*: nguồn lực tự nhiên, trong đó các yếu tố như đất sản xuất, đất ở, nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt ... có vai trò đặc biệt quan trọng đối với đồng bào Khmer do tập quán sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp.

* *Đối với nguồn lực xã hội*: Đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer ngoài lĩnh vực kinh tế còn phải đánh giá trên khía cạnh văn hoá – xã hội. Đảm bảo sinh kế về văn hoá – xã hội được đánh giá thông qua các tiêu chí như: việc bảo tồn các giá trị văn hoá tộc người và đời sống văn hoá bản địa; về nâng cao trình độ dân trí thông qua mức độ phổ cập giáo dục các cấp; về chăm sóc sức khoẻ, tham gia bảo hiểm y tế.

* *Đối với nguồn lực vật chất*: đảm bảo SKBV cho đồng bào dân tộc Khmer về nguồn lực vật chất cần các yếu tố như: kết cấu hạ tầng, điện, đường, trường, trạm ở địa phương và khu vực. Tài sản của hộ bao gồm: Đất đai, máy móc, gia súc sinh sản và sức kéo, công cụ sản xuất, nhà ở, phương tiện đi lại, phương tiện sinh hoạt của hộ gia đình

* *Đối với nguồn lực tài chính*: nguồn lực tài chính bao gồm khả năng huy động vốn cho sản xuất để đảm bảo SKBV cho đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

3.2.1.3. Kết quả đạt được trong hoạt động đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

* Về việc làm, thu nhập của đồng bào Khmer: Kết quả khảo sát về việc làm, thu nhập trung bình của đồng bào Khmer một năm cho ta thấy:

- * Khả năng tích lũy tạo lập nguồn vốn cho tái sản xuất của đồng bào Khmer:
- * Kết quả đạt được về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường

3.3.1.4. Nguyên nhân kết quả đạt được

Những nguyên nhân chủ quan:

Những nguyên nhân khách quan:

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

3.3.2.1. Những hạn chế

Hạn chế về mặt thể chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội để đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer khu vực Tây Nam Bộ

Hạn chế về nguồn lực để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

Hạn chế về mô hình sản xuất, liên kết sản xuất để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

Hạn chế về khả năng tích lũy mở rộng sản xuất

3.3.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Một là, để đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ trước hết cần tận dụng tối đa những ưu thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội để tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo việc làm cho người dân Khmer đồng thời cần thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng

Hai là, cần tận dụng tối đa cơ hội từ bên ngoài để khắc phục các điểm yếu về thiếu vốn cho tái sản xuất và mở rộng sản xuất, tận dụng thời cơ về cách mạng công nghiệp lần thứ tư để chuyển giao khoa học, công nghệ sản xuất khắc phục sự lạc hậu về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật.

Ba là, Khắc phục sự chòng chéo của cơ chế, chính sách cản trở quá trình triển khai thực hiện; sự tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; sự biến động của giá cả nông sản trên thị trường... chính quyền địa phương cần chủ động đưa ra các giải pháp tối ưu để vượt qua những khó khăn, thách thức nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NĂM 2030

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ

4.1.1. Dự báo tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới

4.1.2. Dự báo tình hình biến đổi khí hậu ở trong nước

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thứ nhất, Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc; Chỉ thị 1971/CT-TTg và Chỉ thị 28/CT-TTg của Thủ

tướng Chính phủ. Triển khai có hiệu quả hơn nữa các chương trình mục tiêu lớn của quốc gia về phát triển KT-XH khu vực Tây Nam Bộ tạo điều kiện thuận lợi nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào DTTS nói chung và đồng bào Khmer nói riêng

Thứ hai, Tổ chức thực hiện nghiêm Quyết định giao nhiệm vụ, ý kiến chỉ đạo, kết luận, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban; tập trung phối hợp nâng cao chất lượng công tác tham mưu, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch công tác năm và nhiệm vụ được Lãnh đạo ủy ban giao; điều hành, phân công công chức, người lao động nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm.

Thứ ba, Chủ động phối hợp với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban dân tộc, cơ quan chức năng Bộ, ngành, Ban Dân tộc địa phương nhằm thực hiện hiệu quả công tác chuyên môn; kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình dân tộc, Chính sách dân tộc thuộc địa bàn phụ trách, trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn địa bàn, báo cáo tham mưu, đề xuất kịp thời.

Thứ tư, Tổ chức thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; đào tạo, bồi dưỡng... Chủ động xây dựng và thực hiện Kế hoạch thi đua khen thưởng; tập trung ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin; áp dụng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001: 2015 của Ủy ban dân tộc. Tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo thường xuyên, chuyên đề, đột xuất theo quy định. Thực hiện nhiệm vụ tham gia thành viên của Ban soạn thảo, Ban Chỉ đạo xây dựng chính sách, thực hiện chính phủ điện tử.

4.3. GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

4.3.1. Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân Khmer về vấn đề sinh kế gắn với biến đổi khí hậu

4.3.2. Hoàn thiện quy hoạch, thể chế chính sách của Đảng và Nhà nước phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ

4.3.3. Cải thiện các nguồn lực, phát huy yếu tố nội lực đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu

4.3.4. Nâng cao năng lực của hệ thống chính quyền trong phát hiện, ứng phó với biến đổi khí hậu

4.3.5. Chuyển đổi sinh kế, khắc phục, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu đối với đồng bào Khmer

KẾT LUẬN

Đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào người Khmer Tây Nam Bộ là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm tạo ra tiến bộ trong suy nghĩ về phương cách sản xuất, tạo việc làm và nâng cao mức sống của những người dân có thu nhập thấp, tạo ra điều kiện để tăng khả năng sản xuất và các hoạt động cần thiết nhằm duy trì và nâng cao năng lực tạo tài sản của mỗi gia đình không chỉ trước mắt mà còn cả về lâu dài trong bối cảnh biến đổi của khí hậu.

Qua nghiên cứu và kế thừa những giá trị khoa học của các công trình đã được công bố, nghiên cứu sinh đã xây dựng khung lý luận, cơ sở khung lý thuyết, nghiên cứu sinh đã đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu với ba nội dung; đánh giá kết quả đạt được trong đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh BĐKH theo nhóm tiêu chí để chỉ rõ những thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế về mặt thể chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội để đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào Khmer khu vực Tây Nam Bộ; về nguồn lực để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ; về mô hình sản xuất, liên kết sản xuất cũng như khả năng tích lũy mở rộng sản xuất.

Giải quyết dứt điểm các hạn chế nêu trên sẽ tạo điều kiện cho vùng Tây Nam Bộ tạo chuyển biến quan trọng trong việc đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer. Hoàn thành mục tiêu quốc gia về phát triển vùng đồng bằng Sông Cửu Long trong thời gian tới. Trên cơ sở dự báo, NCS đề xuất phương hướng, xây dựng 6 nhóm giải pháp tập trung giải quyết từng hạn chế đã được đánh giá trong phần thực trạng. Thông qua các giải pháp, nghiên cứu sinh tin rằng nếu được triển khai đồng bộ và hiệu quả thì vấn đề sinh kế của đồng bào Khmer trong thời gian tới sẽ được cải thiện.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Hồ Thị Hà, Trương Thị Thúy Hằng (2022), Nguồn lực để đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng. Đề tài cấp trường, Mã số: T2022-23.

2. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Hồ Thị Hà, Trương Thị Thúy Hằng (2022), “*Khoa học và công nghệ đối với đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào khmer tây nam bộ - nghiên cứu điển hình tỉnh sóc trăng*”, Tạp chí Giáo dục và xã hội; Số 138 (199); tr.38 - 222. ISSN: 1859-3917

3. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2022), “*Đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu*”, Tạp chí tài chính; tr.98-100. Kỳ 2. Số 783. ISSN: 2615-8973

4. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2022), “*Ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sinh kế ở đồng bằng Sông Cửu Long*”, Tạp chí Tài chính; Kỳ 2. Số 789; tr.20 – 122. ISSN: 2615-8973

5. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2023), “*Nguồn lực con người đảm bảo sinh kế bền vững đồng bào khmer Tây Nam Bộ*”. Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán; Kỳ 2, số 240; tr.20-23. ISSN: 1859-4093

6. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2022), *Human resource development to ensure livelihood for the Khmer in the southwest region of vietnam. The 10th Proceedings of international conference: Strategic adaptation in the world of uncertainties*; tr.570-573. ISBN:9780-604-397-659-5; 2022

7. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Hồ Thị Hà (2022), *Developing the educated and trained human resources to ensure workers' sustainable livelihoods in ho chi minh city adapting to the fourth industrial revolution. Proceedings of international conference: Supply and demand for high – skilled labor in east asian countries: challenges and solutions for ho chi minh city*; tr.408-413. ISBN: 978-604-346-072-8; 2022